TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26.3.2019
V/v "tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Vân

2. Bà Phạm Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thúy- Thư ký tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về "*tranh chấp xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐ-HNST ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Jong C, sinh năm 1953. Quốc tịch: Hàn Quốc

Địa chỉ: Busanjin-gu, Busan-city, South Korea

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ L trình bày và yêu cầu: Bà và ông Jong C có tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Sau khi đăng ký kết hôn, ông Jong về lại Hàn Quốc đến nay không hề liên lạc với bà. Sau một khoảng thời gian cố gắng liên lạc với ông Jong nhưng không nhận được phản hồi. Nhận thấy do bất đồng ngôn ngữ, tính tình không hợp

nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà gửi đơn đến Tòa án yêu cầu được ly hôn với ông Jong C.

Về nợ chung, tài sản chung, con chung: không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đúng thẩm quyền, quá trình điều tra thu thập chứng cứ, việc đưa ra xét xử và trình tự thủ tục tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định tại các Điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được thông báo trên cổng thông tin dành cho người nước ngoài nhưng không có kết quả nên tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì đời sống hôn nhân của ông, bà mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, đồng thời, phía bị đơn cũng không liên lạc được chứng tỏ cũng không tha thiết kéo dài mối hôn nhân. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự: Bà Nguyễn Thị Lệ L và ông Jong C quen biết nhau qua tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp giấy chứng nhận kết hôn số 212 ngày 29/11/2017, do đó, hôn nhân giữa bà L và ông Jong là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Do ông Jong C có quốc tịch Hàn Quốc nên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý và giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt ông Jong C tại phiên tòa hôm nay: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã thực hiện các thủ tục tống đạt qua các kênh dành cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp công văn hỏi ý kiến ông Jong C số 429/TATPCT-HN ngày 20/7/2018 (BL18) và đã nhận được kết quả từ Bộ tư pháp (BL41) là "*địa chỉ không đầy đủ*". Sau đó, do bà L không còn địa chỉ liên lạc nào khác với ông Jong nên Tòa án đã đăng thông báo xét xử trên cổng thông tin của Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia http://vovworld.vn/ (VOV5) đối với ông Jong (BL62-65) đến nay vẫn không có phản hồi nào từ ông Jong. Do đó, căn cứ vào khoản 6 Điều 477 Tòa án xét xử vắng mặt ông Jong C, đồng thời, bà Lệ Liễu có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Lệ L và ông Jong C ban đầu hạnh phúc, sau đó ông Jong về lại Hàn Quốc không trở lại Việt Nam, cắt đứt liên lạc với bà L. Do không thể liên lạc với ông Jong và tình trạng ly thân kéo dài, đời sống hôn nhân không đạt được. Đến nay bà L nộp đơn xin ly hôn cho Tòa án cho thấy bà không còn tình cảm với ông Jong và cũng

không thiết tha với cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Jong. Do bà L nhiều lần liên hệ với ông Jong và Tòa án cũng đã thực hiện các biện pháp tống đạt cho ông Jong cũng không nhận được tin tức, từ thời điểm ông Jong về Hàn Quốc đến nay không liên lạc với bà L chứng tỏ ông không có thiện chí liên hệ hàn gắn hôn nhân với bà L. Do đó, cho thấy đời sống hôn nhân của bà L là không thể kéo dài thêm, múc đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, đơn yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và con chung: Trong khoảng thời gian sống chung bà L và ông Jong không có con chung, không tạo lập tài sản chung và cũng không có nợ nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 37, 147, 153, 228, 266, 273, điểm c khoản 6 Điều 477 và khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ L đối với ông Jong C. Cho bà Nguyễn Thị Lệ L được ly hôn với ông Jong C.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng:

- Bà L phải chịu 2.022.000 đồng (hai triệu, không trăm, hai mươi hai ngàn đồng) chi phí đăng cổng thông tin điện tử trên trang http://vovworld.vn/ bà L đã nộp và chi xong.

- Bà L phải chịu 300.000 đồng lệ phí Ủy thác tư pháp, chuyển tiền bà L đã đóng tạm ứng theo biên lai thu số 0003423 ngày 25/7/2018 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành lệ phí ủy thác tư pháp.

- Chi phí ủy thác tư pháp bà L không phải chịu nên được nhận lại 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng bà L đã nộp theo biên lai thu số 000136 ngày 25/7/2018 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền bà L đã đóng tạm ứng theo biên lai thu số 001166 ngày 17/5/2018 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị Lệ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Jong C có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Phương Thanh